

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 5 - 2020

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải

Ông Nguyễn Văn Vệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên

Ngày 19 và 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lý Quân B, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 173, đường C, tổ 4, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Thị Thùy D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 742, đường C, tổ 20, ấp Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lý Quân B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị D kết hôn khoảng năm 1999 – 2000, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Cao Lãnh vào ngày 16/10/2001.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2017 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau vì cách cư xử trong giao tiếp và kinh tế gia đình, chị D không chăm sóc gia đình và con. Đến tháng 03/2018 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Từ đó, vợ chồng sống xa nhau, qua

nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc. Vì vậy, anh B yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lý Thị Mỹ Linh, sinh ngày 06/4/2002 và Lý Lê B Long, sinh ngày 12/10/2006, hiện hai con đang sống chung với anh B. Khi ly hôn anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, anh Lý Quân B trình bày: Chị D tham gia đánh bạc, chơi hụi, mua vật dụng với hình thức trả góp dẫn đến nợ nhiều người, không có khả năng thanh toán. Đến khi chị D vỡ nợ, anh B mới biết, từ đó vợ chồng mâu thuẫn và sống xa nhau. Anh B xác định vợ chồng không có tham gia chơi hụi của chị Thủy và chị Bốn như lời trình bày của chị D. Vợ chồng không nợ chung chị Thủy số tiền 29.000.000 đồng, chị Bốn số tiền 21.000.000 đồng nên không đồng ý có trách nhiệm trả 25.000.000 đồng theo yêu cầu của chị D. Chị D có hốt hụi của ai không biết nhưng có mua 05 chỉ vàng 24kr, vàng 9999, loại vàng nhẫn, trị giá 20.000.000 đồng đưa cho anh B đeo làm trang sức. Sau đó anh B đã bán nhẫn để lấy tiền sửa chữa xe và quá trình sống chung anh B giao trả lại cho chị D số tiền 20.000.000 đồng, xem như thanh toán xong cho chị D.

Ngày 30/3/2020 chị Lê Thị Thùy D có văn bản trình bày ý kiến nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D đồng ý ly hôn với anh B, anh B không quan tâm chăm sóc vợ, con và gia đình, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lý Thị Mỹ Linh, sinh ngày 06/4/2002 và Lý Lê B Long, sinh ngày 12/10/2006. Chị D đồng ý giao hai con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Chị D và anh B có tham gia chơi hụi của chị Lê Thị Thanh Thủy và chị Lê Thị Mười Bốn để phục vụ mục đích gia đình như lo tiền học cho con, trả nợ vay. Hiện nay còn nợ chị Thủy là 29.000.000 đồng của hai dây hụi, hụi 1.000.000 đồng/tháng, nợ chị Bốn số tiền 21.000.000 đồng, hụi 1.000.000 đồng/tháng, tổng nợ là 50.000.000 đồng. Chị D yêu cầu chia đôi mỗi người có nghĩa vụ trả số tiền 25.000.000 đồng.

Ngày 14/5/2020 chị Lê Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng ý ly hôn với anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa dân sự Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vắng mặt chị D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh B, chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 3 cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/10/2001 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai đổ lỗi cho nhau không quan tâm chăm sóc gia đình và con. Chị D cho rằng anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh và không có yêu cầu xử lý hành vi vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình nên không có cơ sở đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý đối với anh B. Xét thấy, anh B xin ly hôn với chị D, chị D có ý kiến đồng ý ly hôn với anh B, cả hai không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B.

[4] Về con chung: Anh B, chị D có hai con chung tên Lý Thị Mỹ Linh, sinh ngày 06/4/2002 và Lý Lê B Long, sinh ngày 12/10/2006, hiện hai con đang sống chung với anh B.

Xét thấy, anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung được chị D đồng ý và phù hợp với văn bản ghi ý kiến của hai cháu Mỹ Linh và B Long có nguyện vọng được sống chung với anh B. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh B. Chị D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi hai con chung. Chị D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh B và chị D thống nhất trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị D cho rằng vợ chồng có tham gia chơi hai dây hụi của chị Thủy, chị Bốn, hụi 1.000.000 đồng/tháng, để phục vụ mục đích gia đình, đã hót hụi và còn nợ chị Thủy số tiền 29.000.000 đồng, nợ chị Bốn số tiền 21.000.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng. Chị Bốn cho rằng chị D và anh B nợ số tiền 25.000.000 đồng chứ không phải 21.000.000 đồng như lời trình bày của chị D. Anh B không thừa nhận vợ chồng có tham gia hụi của chị Bốn, chị Thủy và nợ chung số tiền 50.000.000 đồng, không đồng ý anh B có nghĩa vụ trả số tiền 25.000.000 đồng. Chị D vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp được

chứng cứ chứng minh vợ chồng có nợ chung tiền hụi. Đối với chị Bốn, chị Thủy có văn bản ý kiến xin không tham gia tố tụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền chị D, anh B nợ, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác. Đồng thời, yêu cầu của chị D phát sinh sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa chị Bốn, chị Thủy vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu của chị D. Tại phiên tòa, anh B thừa nhận chị D có hốt hụi mua 05 chỉ vàng 24kr, vàng 9999, loại vàng nhẫn, trị giá 20.000.000 đồng giao cho anh B quản lý, anh B đã trả lại cho chị D số tiền 20.000.000 đồng. Chị D vắng mặt và chưa có ý kiến về lời trình bày của anh B. Do đó, chưa đủ cơ sở để xác định nợ chung của anh B chị D hay nợ riêng của chị D nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Lý Quân B.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Quân B được ly hôn với chị Lê Thị Thùy D.

[2] Về con chung: Anh Lý Quân B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Lý Thị Mỹ Linh, sinh ngày 06/4/2002 và Lý Lê B Long, sinh ngày 12/10/2006, hiện hai con đang sống chung với anh B.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi hai con chung. Chị D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lý Quân B phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Trang đã nộp

tạm ứng án phí sơ thẩm theo các Biên lai thu số 0007852 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh B đã nộp xong tiền án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Cao Lãnh;
- TA Tỉnh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)
HUỲNH KIM OANH**